

Bản án số: 94 / 2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 3 - 2018
V/v: Ly hôn giữa
anh T và chị H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On.

Các Hội thẩm nhân dân dân:

Ông Nguyễn Văn Cư.

Ông Phạm Thế PH.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 3 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “ Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1994.

Cư trú tại: Tổ 8, ấp Long Hiệp, xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1992.

Cư trú tại: Tổ 10, ấp Tân Hậu A 2, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang (vắng mặt), nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 Năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Trần Quốc T trình bày: Tôi và cô Lê Thị Ngọc H do mai mối và được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, phường, theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hiểu nhau, không hợp nhau, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân cho đến nay. Về quan hệ con chung có 01 con tên Lê Hoàng Khánh, sinh ngày 25/11/2015, hiện cháu đang sống với mẹ. Về quan hệ tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ ai.

Anh T xin ly hôn với cô H, về con chung anh T đồng ý giao cháu Khánh cho cô H tiếp tục nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, về tài sản chung không có, về nợ chung không có.

Bị đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày: Thống nhất như anh T trình bày về thời gian, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong việc tôi làm mất vàng, từ đó không tin tưởng nhau. Về quan hệ con chung có 01 con tên Lê Hoàng Khánh, sinh ngày 25/11/2015, hiện cháu đang sống với tôi. Về quan hệ tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ ai. Nay anh T yêu cầu xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn với anh T, về con chung tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung không có, về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Ngọc H không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, phường theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được xem là hôn nhân không hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp “ Ly hôn ” giữa anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Ngọc H được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Anh Trần Quốc T yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H. Về con chung có 01 con chung tên Lê Hoàng Khánh, sinh ngày 25/11/2015, hiện cháu đang sống với mẹ. Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ.

[4] Chị Lê Thị Ngọc H cũng đồng ý ly hôn với anh Trần Quốc T. Về con chung có 01 con chung tên Lê Hoàng Khánh, sinh ngày 25/11/2015, hiện cháu đang sống với mẹ và chị H có nguyện vọng xin tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ.

[5] Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

- khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

- Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Hôn nhân của anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Ngọc H, quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc được đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hiểu nhau, không hợp nhau và ly thân từ đó cho đến nay, qua hai năm ly thân nhưng vợ chồng không tự hòa giải để chung sống lại, mà để mâu thuẫn ngày một gay gắt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cho anh T và chị H ly hôn là phù hợp. Về con chung có 01 con chung tên Lê Hoàng Khánh, sinh ngày 25/11/2015, hiện cháu đang sống với mẹ, chị H có nguyện vọng xin tiếp tục nuôi con và anh T cũng đồng ý giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ đóng góp nuôi con theo quy định của pháp luật mỗi tháng 650.000 đồng, cho đến khi cháu Khánh trưởng thành và lao động được. Về tài sản chung không có. Về nợ chung không có nợ.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0012531 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9-14-51-55-56-81-82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Quốc T và chị Lê Thị Ngọc H.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Lê Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Hoàng Khánh, sinh ngày 25/11/2015, anh T phải đóng góp nuôi con mỗi tháng 650.000 đồng, cho đến khi cháu Khánh trưởng thành và lao động được, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2018.

3. Về chia tài sản:

- Không có.
- Về nợ chung không có nợ.

4. Về án phí:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh Trần Quốc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0012531 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND thị xã;
- THADS thị xã
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VP.

Đào Văn On